

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 23-7-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI.**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vàng Văn Thủy

+ Bà Dương Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020. Tại Nhà văn hóa đa năng xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX- ST, ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Trần Văn Nh - sinh năm:1974.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn nhận ngày 02/6/2020 và biên bản lấy lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trần Văn Nh trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Th về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và chị Th sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mấy năm gần đây chị Th thay đổi tính nết, thường xuyên gây bất hòa với hàng xóm và gia đình, anh đã góp ý nhiều lần nhưng chị Th không chịu thay đổi, từ đó dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Tuy anh và chị Th vẫn sống chung một nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh và chị Th không có hạnh phúc, tình cảm không còn, để đảm bảo cuộc

sống sau này của anh. Do vậy, anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ giữa anh và chị Nguyễn Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa anh và chị Th có 03 con chung. Cháu lớn tên là Trần Thị Th1 - Sinh ngày 05 tháng 6 năm 1998; cháu thứ hai tên là Trần Thị Th - Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1999. cháu nhỏ tên là Trần Thị S - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007. Hiện nay cháu Th1 và cháu Th đều đã trưởng thành, nên anh Nhiệm không đề nghị giải quyết. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu S, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của anh Nh về thời gian sống chung và quá trình chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Nh xảy ra từ cuối tháng 5 năm 2020 do con gái chị đã có chồng nhưng lại dẫn người con trai khác đến nhà chị xin ngủ lại qua đêm, chị không đồng ý với lý do để bảo vệ hạnh phúc cho các con thì anh Nh đã chửi, mắng chị và bênh vực con gái, từ những lý do trên anh Nh đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị xét thấy tình cảm vẫn còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị và anh Nh có 03 con chung. Cháu lớn tên là Trần Thị Th1 - Sinh ngày 05 tháng 6 năm 1998; cháu thứ hai tên là Trần Thị Th - Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1999. cháu nhỏ tên là Trần Thị S - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007. Hiện nay cháu Th1 và cháu Th đều đã trưởng thành nên chị Th không đề nghị giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu S, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, Chị yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xử:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa anh Trần Văn Nh và chị Nguyễn Thị Th là quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị S - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Anh Nh và chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và cả hai anh chị vẫn giữ nguyên quan điểm đã thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai giải quyết không công nhận mối quan hệ giữa anh và chị Nguyễn Thị Th là vợ chồng, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Chị Thía có hộ khẩu thường trú tại thôn Kh, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Nh và chị Nguyễn Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, khi đó chị Th chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và từ ngày 01/01/2001 là ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực thi hành, đến ngày 01/01/2003 là thời điểm nhà nước khuyến khích nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10. Nhưng anh Nh và chị Th cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa anh Nh và chị Th đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài được. Ngày 02/6/2020 anh Nh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố mối quan hệ giữa anh và chị Nguyễn Thị Th không phải là vợ chồng. Xét thấy, việc anh Nh và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian chung sống với nhau đến nay đã được hơn 20 năm, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết, áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố quan hệ giữa anh Trần Văn Nh và chị Nguyễn Thị Th không phải là vợ chồng.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Cả hai anh chị đều thừa nhận có 03 con chung. Cháu lớn tên là Trần Thị Th1 - Sinh ngày 05 tháng 6 năm 1998; cháu thứ hai tên là Trần Thị Th - Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1999. cháu nhỏ tên là Trần Thị S - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007. Hiện nay cháu Th1 và cháu Th đều đã trưởng thành nên anh Nh và chị Th không đề nghị giải quyết. Anh Nh và chị Th thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được nuôi dưỡng cháu S, anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử, thấy rằng cháu Th1 và cháu Th hiện đã trưởng thành anh Nh và chị Th không đề nghị giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với cháu Trần Thị S có nguyện vọng muốn được sống cùng với chị Th. Anh Nh và chị Th đều có đủ điều kiện để nuôi dạy con trưởng thành và đảm bảo cho sự phát triển của cháu S. Tại Biên bản hòa giải về quan hệ nuôi con khi ly hôn ngày 20/6/2020. Anh Nh và chị Th đã thỏa thuận để chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị S - sinh ngày 12/9/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Nh không

phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay, anh Nh và chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận đề nghị của anh Nhiệm và tôn trọng sự thỏa thuận giữa anh Nh và chị Th theo Biên bản hòa giải về nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh Nh và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và đúng với qui định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình cần được công nhận và ghi trong bản án.

[4] Về tài sản chung: Anh Trần Văn Nh và chị Nguyễn Thị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn Nh phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn Nh và chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa anh Trần Văn Nh và chị Nguyễn Thị Th là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị S - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn Nh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002498, ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Hà. Anh Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai ;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà;
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu HS;THS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thọ

